

Bộ phận Chiến lược đầu tư
DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ GUOTAI JUNAN VIỆT NAM
Danh mục Năm giữ (Holding portfolio)
Kỳ đầu tư: 6-18 tháng

| Mã cổ phiếu | Ngày ra khuyến nghị | Lần KN | Giá khi khuyến nghị | Khuyến nghị | Giá mục tiêu | Upside kỳ vọng | Upside còn lại | Vượt mục tiêu | Tổng biến động |
|-------------|---------------------|--------|---------------------|---------------|--------------|----------------|----------------|---------------|----------------|
| MWG* | 06/08/21 | 3 | 114,000 | Nắm giữ | 122,300 | 7.3% | - | 6.2% | 167.2% |
| CTG | 04/08/21 | 1 | 34,000 | Mua | 39,200 | 15.3% | 20.2% | - | -3.1% |
| TDM | 30/07/21 | 1 | 30,050 | Mua | 40,000 | 33.1% | 14.9% | - | 25.8% |
| HAH* | 03/08/21 | 3 | 49,000 | Nắm giữ | 60,000 | 22.4% | - | 13.0% | 194.1% |
| OCB* | 02/08/21 | 2 | 24,300 | Mua | 27,700 | 14.0% | - | 2.9% | 35.1% |
| VHM* | 31/05/21 | 2 | 77,600 | Nắm giữ | 77,500 | 0% | - | 6.7% | 42.9% |
| SZC* | 23/04/21 | 1 | 35,750 | Nắm giữ | 41,000 | 14.7% | - | 41.0% | 63.6% |
| DHC* | 30/10/20 | 1 | 35,440 | Giảm tỷ trọng | 39,760 | 17.1% | - | 129.9% | 170.3% |
| ACB* | 05/02/21 | 2 | 22,830 | Nắm giữ | 29,110 | 27.5% | - | 15.1% | 85.8% |
| VPB* | 05/02/21 | 2 | 22,820 | Nắm giữ | 24,670 | 8.1% | - | 54.0% | 163.5% |
| MBB | 11/06/21 | 3 | 29,185 | Tăng tỷ trọng | 32,593 | 11.7% | 12.8% | - | 126.1% |
| VIB* | 05/02/21 | 1 | 25,297 | Nắm giữ | 32,157 | 27.1% | - | 19.1% | 50.2% |
| TPB* | 05/02/21 | 1 | 26,700 | Nắm giữ | 34,500 | 29.2% | - | 26.8% | 62.5% |
| PNJ* | 31/07/20 | 2 | 80,900 | Nắm giữ | 86,000 | 6.3% | - | 20.9% | 107.8% |
| SBT | 02/08/20 | 2 | 20,550 | Nắm giữ | 24,000 | 16.8% | 6.9% | - | 35.1% |
| QNS | 08/02/21 | 1 | 37,200 | Mua | 54,000 | 45.2% | 6.9% | - | 40.9% |

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)
Kỳ đầu tư: 3-6 tháng

| Mã cổ phiếu | Ngày ra khuyến nghị | Vùng giá mua | Giá mục tiêu | Cắt lỗ | Risk/ Reward Ratio | Lãi/Lỗ hiện tại |
|-------------|---------------------|-------------------|--------------|---------|-----------------------|-----------------|
| BMC | 11/10/21 | 26,000 – 28,000 | 46,000 | 21,900 | 1:3 | 5.2% |
| TNG | 24/08/21 | 25,460 – 26,850 | 35,180 | 24,000 | 1:3 | 26.9% |
| SLS | 18/08/21 | 139,000 – 155,000 | 220,000 | 133,000 | 1:3 | 10.7% |
| BWE | 16/07/21 | 35,000 – 36,000 | 45,000 | 32,900 | 1:3 | 27.0% |
| LAS* | 21/06/21 | 13,000 – 14,000 | 19,000 | 11,800 | 1:2.3 | 77.8% |
| ABI | 17/06/21 | 45,610 – 49,120 | 65,790 | 49,000 | 1:2.7 | 37.0% |
| VND* | 09/06/21 | 32,280 – 35,100 | 50,140 | 29,460 | 1:2.7 | 106.3% |
| DPG* | 31/05/21 | 27,500 – 28,929 | 43,571 | 25,000 | 1:4 | 200.6% |
| GVR | 28/05/21 | 26,900 – 30,100 | 49,000 | 24,500 | 1:3.5 | 42.5% |
| BID | 28/05/21 | 46,000 – 48,500 | 65,000 | 42,500 | 1:3 | -9.0% |
| SSI* | 20/05/21 | 25,100 – 26,950 | 35,250 | 23,100 | 1:2 | 70.2% |
| SGR | 12/05/21 | 25,500 – 28,500 | 44,000 | 24,000 | 1:3.5 | 34.8% |
| BSR* | 11/05/21 | 14,900 – 16,100 | 22,000 | 13,600 | 1:2.3 | 57.4% |
| SMC* | 11/05/21 | 35,300 – 38,000 | 51,000 | 32,000 | 1:2 | 40.5% |
| BCG* | 12/04/21 | 13,800 – 14,400 | 20,300 | 12,500 | 1:3 | 92.9% |
| DIG* | 08/04/21 | 25,667 – 26,522 | 40,211 | 23,186 | 1:4 | 122.3% |
| GMD* | 07/04/21 | 33,800 – 35,000 | 53,800 | 32,700 | 1:5 | 58.4% |
| CEO | 06/04/21 | 13,000 – 13,700 | 19,000 | 11,900 | 1:3 | 12.1% |
| STB* | 30/03/21 | 19,500 – 21,000 | 28,500 | 18,300 | 1:3 | 38.8% |
| TTF | 29/03/21 | 6,900 – 7,500 | 13,000 | 6,200 | 1:4 | 27.8% |
| VIC* | 26/03/21 | 96,900 – 101,300 | 128,900 | 95,100 | 1:4.5 | -4.2% |
| VCB | 18/03/21 | 96,300 – 98,500 | 125,000 | 94,000 | 1:6 | -0.3% |
| GEG | 08/03/21 | 16,550 – 17,650 | 25,700 | 15,455 | 1:4 | 21.9% |
| FCN | 08/03/21 | 14,000 – 15,000 | 22,000 | 13,400 | 1:4.5 | 14.5% |
| PVD | 05/03/21 | 23,500 – 25,500 | 40,000 | 21,900 | 1:4 | 27.3% |
| TIG* | 05/03/21 | 7,545 – 8,455 | 13,636 | 7,273 | 1:4.5 | 133.8% |
| GAS* | 17/02/21 | 80,000 – 83,500 | 117,000 | 73,700 | 1:3.5 | 45.8% |
| CNG* | 17/02/21 | 21,900 – 23,000 | 31,500 | 20,600 | 1:3.5 | 56.3% |
| CCL* | 17/02/21 | 11,000 – 12,000 | 19,000 | 9,700 | 1:3 | 58.3% |
| SAM* | 17/02/21 | 11,200 – 12,100 | 22,500 | 10,200 | 1:5 | 97.4% |
| LAF* | 27/01/21 | 12,800 – 14,500 | 21,500 | 11,800 | 1:2.5 | 53.8% |
| VSH* | 25/01/21 | 18,000 – 19,700 | 30,000 | 16,900 | 1:3.5 | 60.2% |
| MSR | 21/12/20 | 19,000 – 21,000 | 31,000 | 17,800 | 1:3 | 27.5% |
| SFI* | 09/12/20 | 29,200 – 31,000 | 46,500 | 27,700 | 1:5 | 131.2% |
| PGV* | 23/11/20 | 13,810 – 14,762 | 23,810 | 12,571 | 1:4 | 118.4% |
| CKG* | 19/11/20 | 8,230 – 8,650 | 11,300 | 7,890 | 1:3.5 | 222.9% |
| DRI* | 20/10/20 | 4,730 – 5,230 | 10,230 | 3,930 | 1:4 | 223.3% |

ĐIỂM NHẤN PHIÊN GIAO DỊCH TRƯỚC

Thị trường có một phiên điều chỉnh nhẹ với độ rộng nghiêng về phía giảm giá nhưng không quá áp đảo (200 mã tăng và 253 mã giảm trên sàn HOSE). Cụ thể, nổi dầm đà tăng ở phiên trước, thị trường mở cửa sụt nhẹ rồi nhanh chóng tiến với vùng điểm cao mới. Sau đó đà điều chỉnh đã xuất hiện từ cuối giờ sáng và kéo dài tới hết phiên chiều, chỉ số đóng cửa trong sắc đỏ. Thanh khoản sụt giảm nhẹ so với phiên liền trước trên cả 2 sàn.

VHM, HDB, DIG là các cổ phiếu kéo chỉ số chính trước đà giảm giá của GAS, MSN, VCB và đặc biệt là SHB, mã ngân hàng điều chỉnh sâu bất ngờ khi bước vào ATC. Nhóm cổ phiếu Bất động sản cho thấy sức hút với dòng tiền thị trường trở lại.

Hoạt động của nhà đầu tư tổ chức không có diễn biến đáng chú ý trong phiên.

VN-INDEX



(Đồ thị ngày của VNIndex)

Nhận định

Chỉ số có một phiên điều chỉnh nhẹ và về lại vùng đỉnh liền trước, ngay trên mức hỗ trợ (trong phiên) 1,458 mà chúng tôi có đề cập trong báo cáo hôm qua. Chỉ số mở cửa cao hơn mức đóng cửa và gần bằng với mức cao nhất ngày liền trước cho thấy sự hưng phấn đầu phiên. Nhưng sau đó mức thấp nhất trong ngày cũng ở dưới mức thấp của ngày hôm trước cho thấy lực bán chốt lời đã xuất hiện. Chúng tôi đã đề cập trong báo cáo tuần đến khả năng chỉ số sẽ duy trì mức giao động với biên độ hẹp với những phiên tăng giảm đan xen do sự thiếu đồng thuận trong nhóm trụ. Và vì thế, 1 số phiên điều chỉnh của chỉ số là vận động bình thường. 2 ngưỡng hỗ trợ gần của index nằm tại 1,458 và 1,440.

TIÊU ĐIỂM – NEWS FOCUS
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP- POW VN

PV Power (HoSE: POW) thông báo sản lượng điện tháng 10 đạt 598,7 triệu kWh, thực hiện được 42% kế hoạch tháng và giảm 40% so với cùng kỳ năm trước. Đơn vị duy nhất vượt 28% kế hoạch tháng là Nhà máy thủy điện Đakđrinh với sản lượng đạt 70,3 triệu kWh, theo đó thu về gần 70 tỷ đồng trong doanh thu tháng 10.

Tổng Công ty Công Nghiệp Dầu Thực Vật Việt Nam - CTCP - VOC VN

Ngày 8/11 vừa qua, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) đã tổ chức đấu giá hơn 44 triệu cổ phiếu VOC của Tổng Công ty Công Nghiệp Dầu Thực Vật Việt Nam - CTCP (Vocarimex) thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC). Kết quả buổi đấu giá, trọn lô cổ phiếu VOC đem ra đấu giá đã thuộc về KDC với tổng giá trị đạt khoảng 1.256 tỷ đồng, tương ứng giá bình quân là 28.400 đồng/cổ phiếu, nâng tỷ lệ sở hữu vượt mức 87%.

SỰ KIỆN PHIÊN GIAO DỊCH HÔM NAY

| Mã CK | Sàn | Nội dung sự kiện | Ngày GD không hưởng quyền | Ngày đăng ký | Ngày thực hiện |
|-------|-------|---|---------------------------|--------------|----------------|
| GEG | HSX | Giao dịch 32.540.338 cp niêm yết bổ sung | | | 10/11/2021 |
| HPI | Upcom | Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 | 10/11/2021 | 11/11/2021 | 10/11/2021 |
| PJT | HSX | Giao dịch 7.680.239 cp niêm yết bổ sung | | | 10/11/2021 |
| CCR | Upcom | Hủy ĐKGD cổ phiếu | 10/11/2021 | 10/11/2021 | 10/11/2021 |
| VNF | HNX | Trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 20:1) | 10/11/2021 | 11/11/2021 | 10/11/2021 |
| APH | HSX | Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 | 10/11/2021 | 11/11/2021 | 10/11/2021 |
| NNB | Upcom | Hủy ĐKGD cổ phiếu | 10/11/2021 | 10/11/2021 | 10/11/2021 |
| HII | HSX | ĐHĐCĐ bất thường năm 2021 | | | 10/11/2021 |
| CRE | HSX | ĐHĐCĐ bất thường năm 2021 | 10/11/2021 | 11/11/2021 | 10/11/2021 |
| NAV | HSX | ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 | 10/11/2021 | 11/11/2021 | 6/12/2021 |
| VGP | HNX | Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 | 10/11/2021 | 11/11/2021 | 10/11/2021 |

THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG
1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)
Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục

| Mã cổ phiếu | Ngày khuyến nghị | Vùng giá mua | Giá mục tiêu | Cắt lỗ ở dưới | Risk: Reward Ratio | Lợi nhuận | Giá cao nhất từng đạt | Lợi nhuận cao nhất từng đạt |
|-------------|------------------|-----------------|--------------|---------------|--------------------|-----------|-----------------------|-----------------------------|
| IDC* | 28/05/21 | 36,000 – 38,500 | 56,000 | 33,000 | 1:3 | 45.5% | 59,700 | 55.1% |
| SGP* | 01/12/20 | 10,500 – 11,000 | 18,500 | 9,500 | 1:5 | 68.2% | 42,000 | 281.8% |
| SMC* | 30/10/20 | 11,200 – 12,000 | 16,000 | 11,000 | 1:4 | 33.3% | 25,500 | 112.5% |
| G36* | 05/11/20 | 9,160 – 9,830 | 13,300 | 8,770 | 1:3 | 35.3% | 14,700 | 49.5% |
| LSS* | 17/11/20 | 7,100 – 7,500 | 12,000 | 6,400 | 1:4 | 60.0% | 12,100 | 61.3% |
| POS* | 18/11/20 | 11,500 – 12,000 | 19,000 | 9,950 | 1:2.5 | 50.8% | 20,500 | 62.7% |
| SAC* | 01/12/20 | 8,800 – 9,500 | 14,700 | 8,300 | 1:4 | 54.7% | 16,400 | 72.6% |

Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt sớm

| Mã cổ phiếu | Ngày khuyến nghị | Vùng giá mua | Giá mục tiêu | Cắt lỗ ở dưới | Risk: Reward Ratio | Lợi nhuận | Giá cao nhất từng đạt | Lợi nhuận cao nhất từng đạt |
|-------------|------------------|---------------|--------------|---------------|--------------------|-----------|-----------------------|-----------------------------|
| LDG | 22/10/20 | 6,600 – 6,800 | 10,300 | 6,100 | 1:5 | 23.1% | 8,370 | 23.1% |
| HAG | 13/11/20 | 4,500 – 4,700 | 8,000 | 4,250 | 1:7 | 0.0% | 6,450 | 37.2% |
| PXS | 17/11/20 | 6,000 – 6,400 | 11,000 | 5,300 | 1:4 | 0.0% | 9,000 | 40.6% |

Các trạng thái đã cắt lỗ

| Mã cổ phiếu | Ngày khuyến nghị | Vùng giá mua | Giá mục tiêu | Cắt lỗ ở dưới | Risk: Reward Ratio | Mức lỗ | Giá cao nhất từng đạt | Lợi nhuận cao nhất từng đạt |
|-------------|------------------|-----------------|--------------|---------------|--------------------|--------|-----------------------|-----------------------------|
| VSH | 09/11/20 | 20,500 – 21,000 | 30,000 | 18,900 | 1:4 | -10.0% | 19,281 | -8.2% |
| MFS | 30/12/20 | 27,300 – 29,000 | 39,000 | 26,300 | 1:4 | -9.3% | 33,900 | 16.9% |
| BWE | 30/12/20 | 30,800 – 33,300 | 42,800 | 29,300 | 1:2.3 | -12.0% | 33,765 | 1.4% |
| CMX | 31/12/20 | 17,000 – 18,500 | 25,000 | 16,200 | 1:3 | -12.4% | 20,000 | 8.1% |

2. Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)
Các mã được điều chỉnh giá mục tiêu

| Mã cổ phiếu | Ngày ra khuyến nghị | Lần KN / Tổng | Giá khi khuyến nghị | Giá mục tiêu cũ | Upside ban đầu | Tổng mức biến động | Ngày đóng khuyến nghị | Giá mục tiêu mới | Điều chỉnh giá mục tiêu |
|-------------|---------------------|---------------|---------------------|-----------------|----------------|--------------------|-----------------------|------------------|-------------------------|
| MWG* | 08/02/21 | 2/3 | 128,500 | 154,500 | 20.2% | 133.4% | 06/08/21 | 184,000 | +19.1% |
| VHM* | 16/11/20 | 1/2 | 76,600 | 88,315 | 15.3% | 33.9% | 31/5/21 | 102,300 | +15.8% |
| HAH* | 31/05/21 | 2/3 | 28,200 | 35,100 | 24.5% | 105.5% | 03/08/21 | 60,000 | +70.9% |
| OCB* | 20/05/21 | 1/2 | 20,720 | 24,800 | 19.7% | 17.3% | 02/08/21 | 27,700 | +11.7% |
| HAH | 02/04/21 | 1 / 2 | 24,650 | 29,800 | 20.9% | 14.4% | 31/05/21 | 35,100 | +17.8% |
| MBB* | 05/02/21 | 2 / 3 | 39,400 | 27,000 | 9.1% | 130.6% | 11/06/21 | 44,000 | +62.9% |
| SBT* | 02/11/20 | 1 / 2 | 18,500 | 22,200 | 20.0% | 11.1% | 08/02/21 | 24,000 | +8.1% |
| ACB* | 28/09/20 | 1 / 2 | 22,500 | 27,400 | 27.5% | 26.7% | 05/02/21 | 36,350 | +32.7% |
| VPB* | 28/09/20 | 1 / 2 | 22,800 | 27,400 | 20.2% | 62.3% | 05/02/21 | 40,000 | +46.0% |
| MBB* | 28/09/20 | 1 / 3 | 17,087 | 20,000 | 17.0% | 44.8% | 05/02/21 | 27,000 | +35.0% |
| MWG* | 31/07/20 | 1 / 3 | 73,470 | 123,000 | 67.4% | 74.9% | 08/02/21 | 154,500 | +25.6% |
| PNJ* | 31/07/20 | 1 / 2 | 51,000 | 74,200 | 45.5% | 58.6% | 08/02/21 | 86,000 | +15.9% |

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.
 Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.
 Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

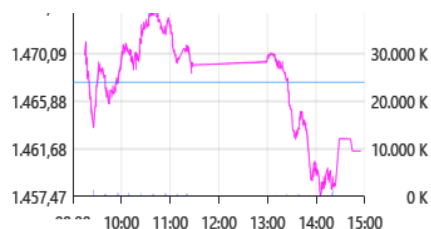
FACTSET DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG NGÀY HÔM TRƯỚC

BIẾN ĐỘNG NGÀY

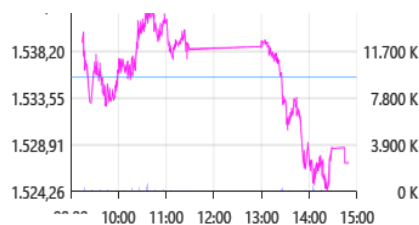
| Chỉ số | Điểm số | Biến động | Điểm | Khối lượng GD (triệu CP) | Giá trị GD (tỷ đồng) | Số mã tăng | Số mã không đổi | Số mã giảm |
|---------------|----------|-----------|-------|--------------------------|----------------------|------------|-----------------|------------|
| VN - Index | 1,461.50 | -0.41% | -6.07 | 1,030.27 | 29,987.7 | 200 | 51 | 253 |
| Vn30 - Index | 1,527.13 | -0.56% | -8.53 | 219.53 | 10,555.5 | 9 | 1 | 20 |
| Vn - Mid | 1,961.87 | 0.77% | 14.95 | 340.90 | 10,373.1 | 35 | 4 | 31 |
| VN - Small | 1,983.31 | 0.49% | 9.65 | 253.44 | 4,814.0 | 83 | 26 | 83 |
| HNX - Index | 432.64 | 0.12% | 0.54 | 159.27 | 4,409.0 | 123 | 61 | 109 |
| Upcom - Index | 109.18 | 0.14% | 0.15 | 134.82 | 2,972.5 | 204 | 84 | 132 |

BIẾN ĐỘNG TRONG NGÀY

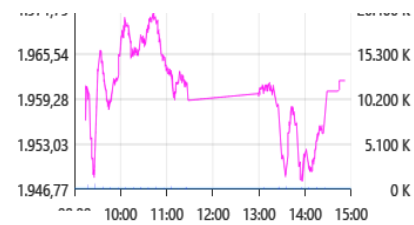
VN-INDEX



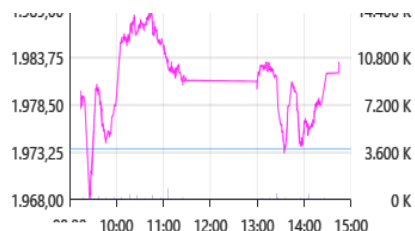
VN30



VN-MID



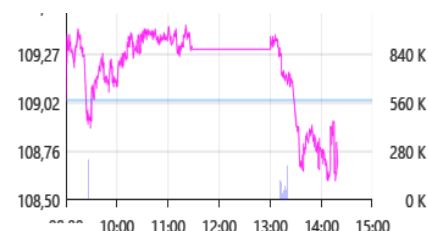
VN-SMALL



HNX-INDEX



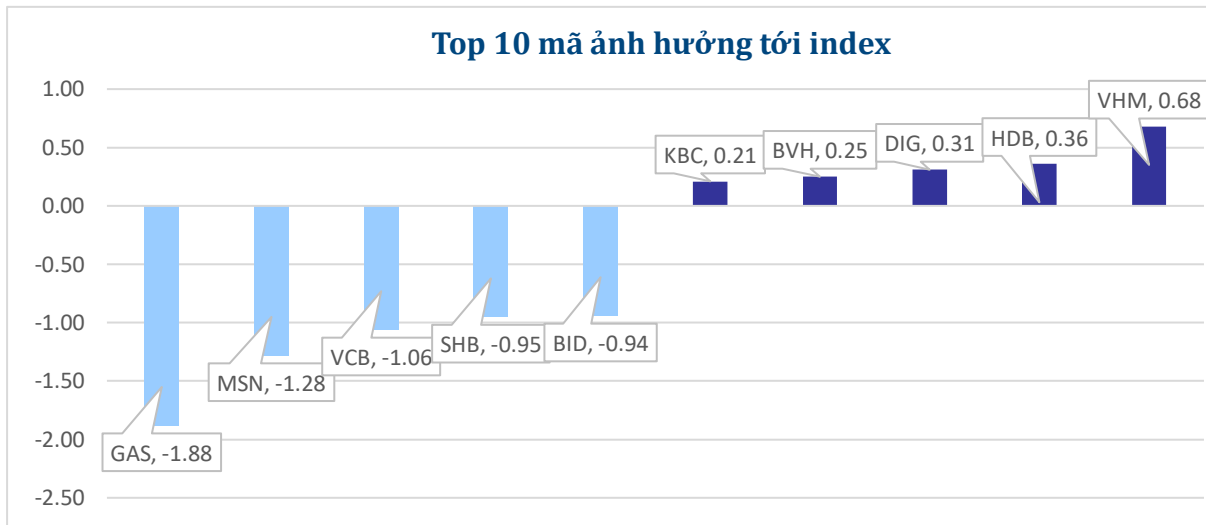
UPCOM



THANH KHOẢN NGÀY

| Sàn | Giá trị giao dịch (tỷ đồng) | Thay đổi so với phiên trước | Khối lượng giao dịch (triệu CP) | Thay đổi so với phiên trước |
|-----|-----------------------------|-----------------------------|---------------------------------|-----------------------------|
| HSX | 29,987.69 | -4.62% | 1030.27 | -4.20% |
| HNX | 4,409.04 | 3.41% | 159.27 | -6.43% |

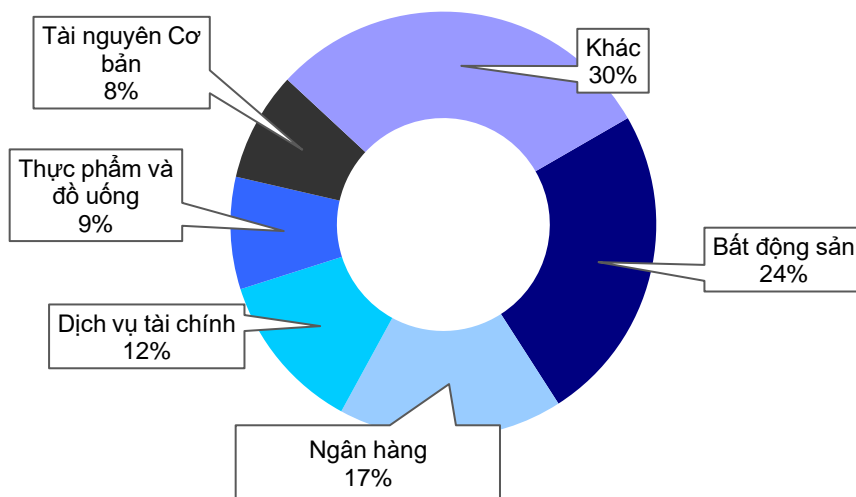
CỔ PHIẾU NỔI BẬT TRONG NGÀY

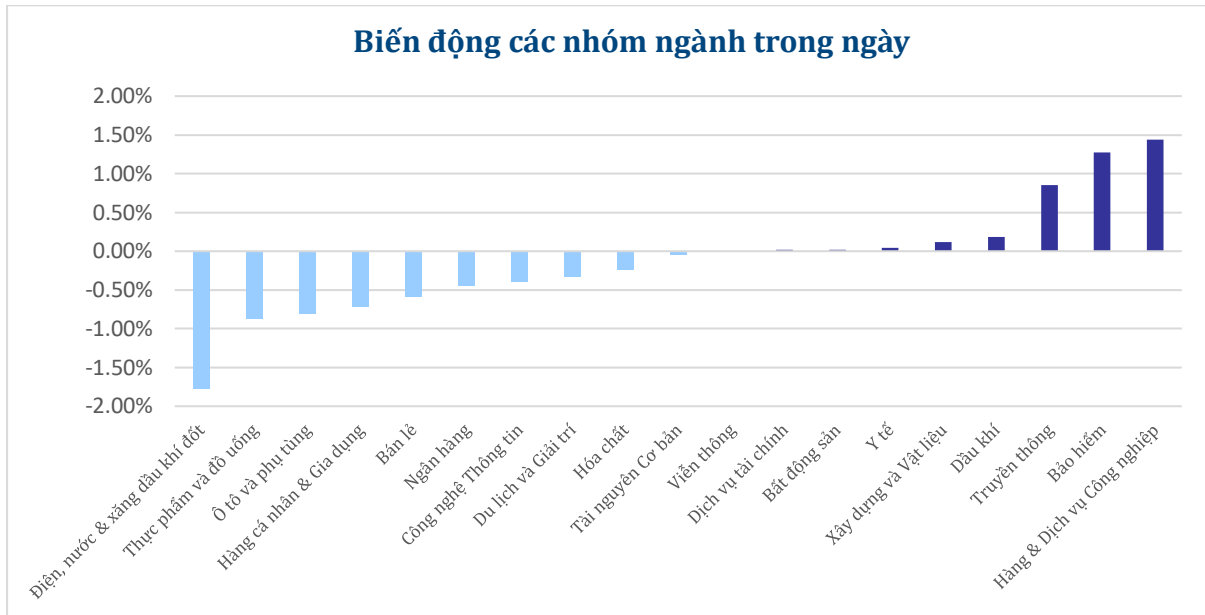


| Top KLGD (triệu cổ phiếu) | | Top GTGD (tỷ đồng) | | Đột biến khối lượng (%KL/KL10 phiên) | | Top tăng điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ) | | Top giảm điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ) | |
|---------------------------|-------|--------------------|---------|--------------------------------------|------|--|-------|--|-------|
| HAG | 45.01 | HPG | 1,405.7 | HAI | 347% | SDA | 10.0% | HSB | -6.1% |
| SHB | 31.61 | TCB | 1,136.2 | TTA | 245% | DXP | 9.9% | VC7 | -5.6% |
| STB | 26.35 | SHB | 945.0 | HAG | 235% | CEO | 9.5% | TAR | -4.1% |
| ITA | 25.72 | GEX | 857.9 | PAN | 212% | L14 | 9.1% | HQC | -4.0% |
| HPG | 24.72 | STB | 745.1 | AMD | 194% | VHE | 8.3% | NRC | -3.9% |

NHÓM NGÀNH

Thanh khoản ngành trong ngày

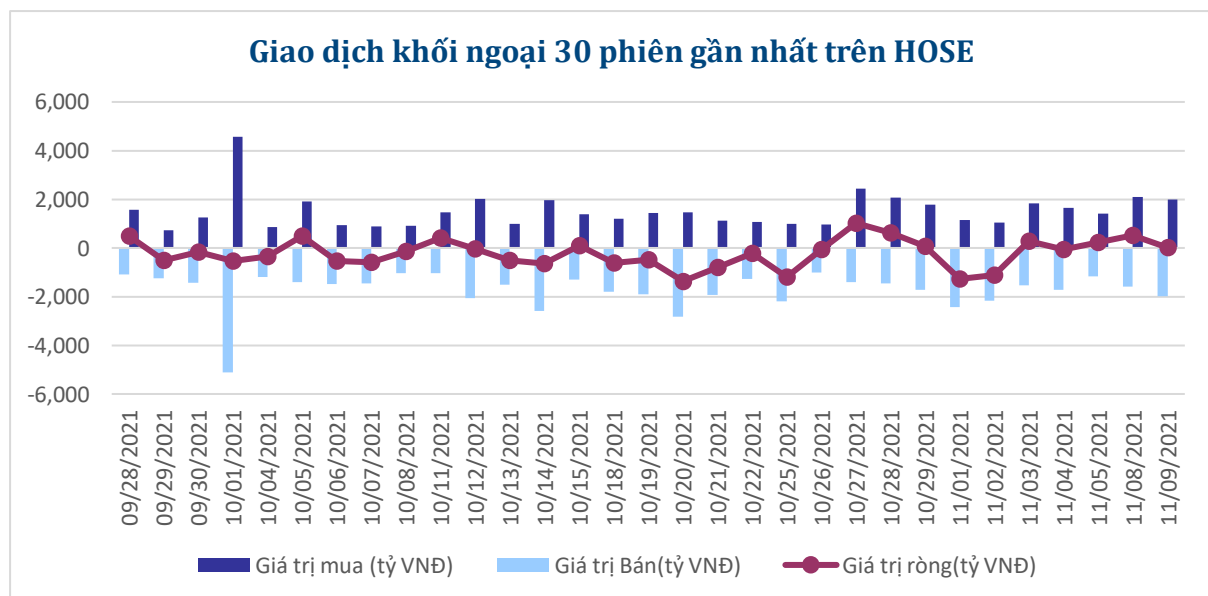




GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE mua ròng 7.57 tỷ đồng còn trên HNX bán ròng 1.71 tỷ đồng.

| Top CP mua ròng | Giá trị mua ròng (tỷ đồng) | Top CP bán ròng | Giá trị bán ròng (tỷ đồng) |
|-----------------|----------------------------|-----------------|----------------------------|
| HPG | 172.93 | DXG | 92.63 |
| CTG | 94.99 | MSN | 91.06 |
| VHM | 85.93 | NVL | 79.91 |
| VCB | 57.51 | GEX | 59.49 |
| HDB | 55.76 | SSI | 50.08 |





XẾP HẠNG CỔ PHIẾU

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index.**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

| Khuyến nghị | Định nghĩa |
|----------------------|---|
| Mua | Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng \geq 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực |
| Tích lũy | Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực |
| Trung lập | Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập |
| Giảm tỷ trọng | Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực |
| Bán | Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực |

XẾP HẠNG NGÀNH

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

| Xếp loại | Định nghĩa |
|---------------------|--|
| Vượt trội | Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực |
| Trung lập | Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập |
| Kém hiệu quả | Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực |

KHUYẾN CÁO

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của người viết về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Guotai Junan Việt Nam Securities không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này. Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu tổng thể của công ty, bao gồm doanh thu từ/trong số các đơn vị kinh doanh khác. Guotai Junan Việt Nam và cán bộ, giám đốc, nhân viên có thể có mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong tài liệu này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Báo cáo này đã được chuẩn bị trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. Guotai Junan Việt Nam không tuyên bố hay bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư tổ chức và khách hàng cá nhân của Guotai Junan Việt Nam tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng cho quốc gia nơi báo cáo này được phân phối không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện ủy quyền của Guotai Junan Việt Nam. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.

GUOTAI JUNAN VIETNAM RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY

| Thành viên | Vị trí | Phụ trách | Email | Ext. |
|----------------------------|--|-------------------------------|--|------|
| Võ Thế Vinh | Trưởng phòng | Phân tích & Chiến lược Đầu tư | vinhvt@gtjas.com.vn | 704 |
| Đỗ Trung Nguyên | Phó phòng | Chiến lược đầu tư | nguyendt@gtjas.com.vn | 703 |
| Trần Thị Hồng Nhung | Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp | Ngành Ngân hàng | nhungtth@gtjas.com.vn | 706 |
| Đình Quang Đạt | Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp | Ngành Tiêu dùng | datdq@gtjas.com.vn | |
| Phí Công Linh | Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp | Ngành Bất Động sản | linhpc@gtjas.com.vn | 709 |

| LIÊN HỆ | TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI | CHI NHÁNH TP. HCM |
|---|---------------------------------|--|
| Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073 | P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower | Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM |
| Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999 | Điện thoại: (024) 35.730.073 | Điện thoại: (028) 38.239.966 |
| Email: ivs@gtjas.com.vn | Fax: (024) 35.730.088 | Fax: (028) 38.239.696 |
| Website: www.gtjai.com.vn | | |